TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HSST
Ngày 09/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hường
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hoà
- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thể - Thư ký TAND huyện Cư Jút.
- Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2024/ HSST, ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 101/2024/HSST-QĐ ngày 23 tháng 08 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn S,** sinh năm 1973, tại tỉnh C; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trương Văn Ch, sinh năm: không rõ và bà Trần Thị M, sinh năm: 1940; có vợ là Đàm Thị Bvà 03 con, con lớn nhất sinh năm: 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Bà Đàm Thị B, sinh năm 1968 là vợ của bị cáo Trương Văn S; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ – có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn S: Ông Lý Ngọc Th– Luật sư, Trưởng Chi nhánh Văn phòng Luật sư Khang Huy thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đăk Nông – có mặt.

-*Người bị hại:* Chị Trương Thị M, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Thị M; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Bà Trương Thị M (có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Phạm Quang L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1940; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M: Bà M Thị H(có đơn xin xét xử vắng mặt); ông Phạm

Quang L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 ngày 27/8/2023 bà Đàm Thị B đi bộ từ nhà ra vườn để trồng bắp, khi đi bắt buộc B phải đi qua sân nhà bà Trần Thị M ở tại Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ thấy bà M và chị Trương Thị M (là mẹ chồng và em chồng của bà B) đang phơi bắp ở sân. Khu vườn bà B đi ra để trồng bắp là đất của bà M cho vợ chồng Trương Văn S mượn để canh tác, bà M và chị M không cho bà B đi qua sân nhà mình để đi ra vườn vì sợ bị dẫm hư cây nên hai bên đã xảy ra xô xát, cãi vã, bà B đi về nhà nói với chồng là Trương Văn S về việc bị bà M và chị M không cho đi ra vườn nên không trồng bắp được. S nghe xong và nói để S lên xem thử, khi đi S cầm theo 01 con dao, khi đến sân nhà bà M, thấy bà M đang phơi bắp, S nói với bà M là cho S đi ra vườn để chặt cành Điều và tỉa ít bắp nhưng bà M không đồng ý nên hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau, S cầm dao bằng tay trái dùng bản dao đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào vai phải của bà M làm bà M cúi thấp người xuống, S dùng bản dao tiếp tục đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào lưng của bà M làm bà M ngã ngửa ra đất, sau đó bà M đứng dậy thì S tiếp tục dùng tay trái vung dao từ trái sang phải, bà M dơ tay lên đỡ thì trúng vào lòng bàn tay phải của bà M làm bà M bị thương. Lúc này, chị Trương Thị M ở trong nhà nhìn thấy mẹ bị đánh, liền chạy đến kéo S ra và đuổi S về, hai bên giằng co nhau, S tiếp tục dùng con dao trên, xoay phàn bản dao rồi đánh từ trái sang phải trúng vào lưng của chị M 01 cái, tiếp đó S dùng dao đánh từ trên xuống thì chị M dơ tay lên đỡ, làm phần lưỡi dao trúng khủy tay trái của chị M 01 cái làm gãy xương khủy tay trái. Ngay sau đó, S bỏ về nhà, còn chị Trương Thị M và bà Trần Thị M được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Cư Jút và Bệnh viện vùng Tây Nguyên.

Căn cứ bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 514/KLTTCT-PY ngày 12/10/2023 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Đắk Lắk kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Thị M: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT- BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế; Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Thị M tại thời điểm giám định là 11% (mười một phần trăm), áp dụng phương pháp cộng lùi tại Thông tư. Kết luận khác: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Trương Thị M: Vết thương mặt sau khủy tay trái dài 2cm (theo hồ sơ bệnh án), tỷ lệ: 1% (một phần trăm), mục I.1, Chương 8; Gãy đầu trên xương trụ cẳng tay trái, tỷ lệ: 10% (Mười phần trăm), Mục IV.10.1, Chương 7. Vật tác động: Vật sắc. Cơ chế hình thành vết thương: Vết thương mặt sau khủy tay trái; gãy đầu trên xương trụ cẳng tay trái là do tác động trực tiếp của vật sắc hướng từ trước ra sau, từ trên xướng dưới, từ trái qua phải.

Căn cứ bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể qua hồ sơ số: 44/KLTgTHS – PY ngày 12/10/2023 của Trung tâm pháp y – Sở y tế Đắk Lắk kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Trần Thị M qua hồ sơ: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế; Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bà Trần Thị M qua hồ sơ là 1% (một phần trăm). Kết luận khác: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích của Trần Thị M: Vết thương lòng bàn tay (P), kích thước: 02cm x 0,5cm, tỷ lệ: 1%. (Mục I.1, Chương 8); Vật tác động và cơ chế hình thành thương tích: không đủ cơ sở, dữ liệu để xác định vật tác động và cơ chế hình thành thương tích của Trần Thị M.

Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 27/KLGĐ ngày 30/01/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nguyên kết luận đối với Trương Văn S, sinh năm: 1973, trú tại: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ, kết luận về y học: Trước, trong, sau khi xảy ra sự việc "Cố ý gây thương tích" ngày 27/8/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trương Văn S bị bệnh: Rối loạn tâm thần và hành vi do sử dụng rượu (theo bảng phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 có mã bệnh: F10.1 – ICD.10). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi xảy ra sự việc "Cố ý gây thương tích" ngày 27/8/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trương Văn S: hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi . Ý kiến khác: không.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trưng cầu số: 28/KLGĐ ngày 30/01/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần Tây Nguyên kết luận đối với Trương Thị M, sinh năm: 1977, trú tại: Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ, kết luận về y học: Trước, trong, sau khi xảy ra sự việc "Cố ý gây thương tích" ngày 27/8/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trương Thị M bị bệnh: Tâm thần phân liệt thể đơn thuần. Giai đoạn sa sút tâm thần (theo bảng phân loại bệnh tật Quốc tế lần thứ 10 (ICD10), có mã bệnh là F20.6). Kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi xảy ra sự việc " Cố ý gây thương tích" ngày 27/8/2023 và hiện tại (tại thời điểm giám định), Trương Thị M: mất khả năng nhận thức mất khả năng điều khiển hành vi. Ý kiến khác: Đề nghị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

Cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 27/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút đã truy tố bị cáo Trương Văn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Trương Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận VKSND huyện Cư Jút truy tố bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố hành vi của bị cáo Trương Văn S như bản Cáo trạng số 34/CT-VKS, ngày 27/6/2024. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Văn S phạm tội "Cố ý gây

thương tích". Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận bị cáo Trương Văn S đã bồi thường cho người bị hại bà Trương Thị M số tiền 2.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao bằng kim loại dài 60 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, cán dao bằng kim loại dài 29 cm, phần rộng nhất của bản dao là 4 cm.

Bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù Viện kiểm sát đã áp dụng Điều 54 đối với bị cáo nhưng áp dụng hình phạt tù là hơi nghiêm. Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi; bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại; đã được người bị hại bãi nại; bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ dân trí thấp; bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng theo các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại trình bày: Đồng ý với quan điểm về tội danh và điều luật áp dụng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo, đủ nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của người bị hại đã nhận 2.000.000 đồng tiền bồi thường của bị cáo bồi thường cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Quá trình điều tra bà Trần Thị M yêu cầu bị cáo bồi thường 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại do bị cáo gây ra. Ngày 23/8/2024, bị cáo S đã bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng bà M là người đại diện hợp pháp cho bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận số tiền này. Nay, bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đồng thời bà M xin bãi nại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Do mâu thuẫn trong việc lối đi từ nhà Trương Văn S vào rẫy phải đi qua nhà Trương Thị M nên vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 27/8/2023 tại Thôn 10, xã N, huyện C, tỉnh Đ, Trương Văn S đã dùng dao chém bà Trương Thị M là em gái ruột của S gây thương tích 11% sức khỏe.

Trước, trong và sau khi xảy ra sự việc cố ý gây thương tích ngày 27/8/2023 và tại thời điểm giám định ngày 30/01/2024 Trương Văn S là người bị hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, còn Trương Thị M là người bị mất khả năng nhận thức và mất khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo đã thực hiện hành vi và hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố bị cáo Trương Văn S về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan.

" **Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác**

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a). Dùng.....hung khí nguy hiểm....;

……..

c). Đối với ...người khác không có khả năng tự vệ;

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

……..

đ). Gây thương tích hoặc gây tổ hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này"

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được

pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Bị cáo gây thương tích cho người bị hại 11% là mức thương tích khởi điểm của khung hình phạt theo khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo.

Xét đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trương Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù là đã giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo là người hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi, thương tích gây cho bị hại là 11% là mức khởi điểm của khung hình phạt, giữa bị cáo và bị hại là anh em ruột, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đảm bảo việc giáo dục và cải tạo bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[5] Xét quan điểm bào chữa của Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo. Không chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị phạt tù giam đối với bị cáo.

[7] Trong vụ án này, Trương Văn S còn có hành vi dùng dao đánh bà Trần Thị M (là mẹ ruột của S) gây thương tích 1% sức khỏe. Nhưng ngày 02/10/2023 bà Trần Thị M có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của Trương Văn S gây ra nên không có căn cứ để xử lý đối với S.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình Toà án đưa vụ án ra xét xử người đại diện hợp pháp của người bị hại đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị M thừa nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (một) con dao bằng kim loại dài 60 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, cán dao bằng kim loại dài 29 cm, phần rộng nhất của bản dao là 4 cm là công cụ phương tiện bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và vật chứng có liên quan đến vụ án, xét thấy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn S phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trương Văn S 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo Trương Văn S cho UBND xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp phạm tội mới thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 590 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bị cáo Trương Văn S đã bồi thường cho bị hại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), bà Trần Thị M là người đại diện hợp pháp của người bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Bà M không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao bằng kim loại dài 60 cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, cán dao bằng kim loại dài 29 cm, phần rộng nhất của bản dao là 4 cm.

(Đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/08/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Jút và Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trương Văn S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án tống đạt hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toá án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Thị Hường

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND tỉnh Đăk Nông;*
- *VKSND huyện Cư Jút;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đăk Nông;*
- *Bộ phận HSNVCS-CA huyện Cư Jút;*
- *Cơ quan THA.HS-CA huyện Cư Jút;*
- *Chi cục THA.DS huyện Cư Jút;*
- *Bị cáo; Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*